

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Lương Thị N** – Sinh năm 1989

HKTT: xã HT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: SN 037, tổ 01 phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* **Lê Quang A** – sinh năm 1976

HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 2 ĐC, xã VQ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà Lương Thị N – Sinh năm 1989

HKTT: xã HT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: SN 037, tổ 01 phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

- Ông Lê Quang A – sinh năm 1976

HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 2 ĐC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Lương Thị N và ông Lê Quang A

- **Về con chung:** Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là: Lê Quang K – sinh ngày 02/05/2015 (Giới tính: Nam).

Hai bên đương sự thống nhất giao con chung Lê Quang K – sinh ngày 02/05/2015 (Giới tính: Nam) cho bà Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận ông Lê Quang A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Hai bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Lương Thị N và ông Lê Quang A mỗi người phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Ông Lê Quang A còn phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự cho việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông A phải chịu là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà N phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003288 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà N còn được hoàn lại 225.000đ (*Hai trăm hai mươi năm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát TPCB;
- CCTHADS TPCB;
- UBND xã VQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương